

Số: 153/2019/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 17 tháng 7 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chế độ, chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên
thể thao thành tích cao của tỉnh Hà Tĩnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH
KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ 10**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 18 tháng 12 năm 2012;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006;

*Căn cứ Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của
Chính phủ Quy định về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể
thao được tập trung tập huấn và thi đấu;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2018/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2018 của Bộ
Tài chính quy định nội dung và mức chi để thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với
vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao;*

*Sau khi xem xét Tờ trình số 201/TTr-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định chế độ, chính sách đối với
huấn luyện viên, vận động viên thành tích cao của tỉnh Hà Tĩnh; báo cáo thẩm
tra của các ban Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội
đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Nghị quyết này quy định về chế độ tiền lương; tiền hỗ trợ tập huấn, thi đấu; Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp; Bảo hiểm tai nạn lao động; bệnh nghề nghiệp; Bảo hiểm khi tập huấn, thi đấu ở nước ngoài; Trợ cấp, dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian

tập trung tập luyện, tập huấn và thi đấu; Các chính sách khen thưởng, hỗ trợ khác đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao, Ban Giám đốc Trung tâm Thể dục - Thể thao của tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Vận động viên, huấn luyện viên thể thao thuộc đội tuyển, đội tuyển trẻ cấp tỉnh, các huấn luyện viên, vận động viên thể thao được Trung tâm Thể dục - Thể thao tỉnh Hà Tĩnh ký hợp đồng về tập trung tập luyện, tập huấn và thi đấu cho các đội tuyển thể thao cấp tỉnh của tỉnh Hà Tĩnh; Vận động viên, huấn luyện viên đội tuyển thể thao người khuyết tật tỉnh; Vận động viên bóng đá chuyên nghiệp.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

Thời gian tính chi trả chế độ dinh dưỡng, tiền lương, khen thưởng và các chế độ khác cho vận động viên, huấn luyện viên tại Quy định này được tính theo quyết định triệu tập, hợp đồng của cấp có thẩm quyền.

Chương II

MỘT SỐ CHÍNH SÁCH CỤ THỂ

Điều 4. Chế độ tiền lương; tiền hỗ trợ tập luyện, tập huấn, thi đấu, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động; Bệnh nghề nghiệp; Bảo hiểm khi tập huấn, thi đấu ở nước ngoài

Huấn luyện viên, vận động viên thể thao của tỉnh Hà Tĩnh trong thời gian tập trung tập luyện, tập huấn và thi đấu được hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động, Bệnh nghề nghiệp, Bảo hiểm khi tập huấn, thi đấu ở nước ngoài theo quy định tại Nghị định số 152/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

Đối với chế độ tiền lương trong thời gian tập luyện, tập huấn và thi đấu được quy định cụ thể như sau:

1. Đối với huấn luyện viên: Đối với huấn luyện viên được tuyển dụng theo quy định tại Luật Viên chức thì được hưởng chế độ tiền lương theo quy định của nhà nước; Đối với huấn luyện viên không hưởng lương từ ngân sách nhà nước (được Trung tâm Trung tâm Thể dục - Thể thao tỉnh Hà Tĩnh ký hợp đồng và được sự chấp thuận của cấp có thẩm quyền) thì được hưởng:

a) Trong thời gian tập huấn, thi đấu: Được hưởng tiền lương theo Nghị định số 152/2018/NĐ-CP của Chính phủ;

b) Trong thời gian tập trung tập luyện hàng ngày: Được hưởng tiền hỗ trợ theo ngày thực tế huấn luyện: 180.000đ/người/ngày.

2. Đối với vận động viên:

a) Trong thời gian tập huấn, thi đấu: Được hưởng tiền lương theo Nghị định số 152/2018/NĐ-CP của Chính phủ;

b) Trong thời gian tập trung tập luyện hàng ngày: Được hưởng tiền hỗ trợ theo ngày thực tế tập trung tập luyện: 130.000đ/người/ngày.

Điều 5. Chế độ dinh dưỡng

Huấn luyện viên, vận động viên thể thao của tỉnh Hà Tĩnh trong thời gian tập trung tập luyện, huấn luyện, tập huấn, thi đấu được hưởng chế độ dinh dưỡng (mức ăn hàng ngày), với mức quy định cụ thể sau:

1. Trong thời gian tập trung tập luyện, huấn luyện trong nước:

a) Vận động viên, huấn luyện viên đội tuyển tỉnh: 200.000 đồng/người/ngày;

b) Vận động viên, huấn luyện viên đội tuyển trẻ: 150.000 đồng/người/ngày.

2. Trong thời gian tập trung thi đấu các giải, trừ các giải thi đấu tại Đại hội thể thao khu vực, châu lục, thế giới và các giải thể thao quốc tế khác:

a) Vận động viên, huấn luyện viên đội tuyển tỉnh: 270.000 đồng/người/ngày;

b) Vận động viên, huấn luyện viên đội tuyển trẻ: 220.000 đồng/người/ngày.

3. Các huấn luyện viên, vận động viên khuyết tật khi được cấp có thẩm quyền triệu tập luyện tập, tập huấn và thi đấu được áp dụng mức quy định đối với đội tuyển tỉnh.

4. Thời gian áp dụng chế độ dinh dưỡng quy định tại các khoản 1,2,3 Điều này đối với huấn luyện viên, vận động viên được tập trung tập luyện, tập huấn, thi đấu, thực hiện theo quyết định triệu tập cơ quan có thẩm quyền.

Điều 6. Chế độ hỗ trợ khác đối với huấn luyện viên, vận động viên

1. Đối với vận động viên và huấn luyện viên môn bóng chày được thi đấu ở giải đội mạnh toàn quốc ngoài chế độ tiền lương được hưởng theo khoản 1, 2 Điều 4 và không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, còn được hỗ trợ thêm như sau:

a) Đối với vận động viên: Mức cầu thủ đội hình chính: 10.000.000 đồng/người/tháng; Mức cầu thủ đội hình dự bị: 7.000.000 đồng/người/tháng; Mức cầu thủ đội tuyển trẻ: 4.000.000 đồng/người/tháng.

b) Đối với Huấn luyện viên: Huấn luyện viên được hợp đồng làm huấn luyện viên trưởng đội tuyển được hưởng mức: 25.000.000 đồng/người/tháng; Huấn luyện viên được hợp đồng làm huấn luyện viên phó đội tuyển được hưởng: 18.000.000 đồng/người/tháng.

2. Đối với vận động viên và huấn luyện viên môn bóng chuyên thi đấu ở giải hạng A toàn quốc, ngoài chế độ tiền lương được hưởng theo khoản 1, 2 Điều 4 và không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, còn được hỗ trợ thêm tiền lương như sau:

a) Đối với vận động viên: Mức cầu thủ đội hình chính: 8.000.000 đồng/người/tháng; Mức cầu thủ đội hình dự bị: 5.000.000 đồng/người/tháng; Mức cầu thủ đội tuyển trẻ: 4.000.000 đồng/người/tháng.

b) Đối với huấn luyện viên: Huấn luyện viên được hợp đồng làm huấn luyện viên trưởng đội tuyển được hưởng mức: 18.000.000 đồng/người/tháng; Huấn luyện viên được hợp đồng làm huấn luyện viên phó đội tuyển được hưởng: 15.000.000 đồng/người/tháng.

3. Đối với vận động viên thuộc địa phương quản lý nếu đạt đẳng cấp kiện tướng và đạt đẳng cấp I quốc gia, ngoài được hưởng chế độ dinh dưỡng theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết này còn hưởng thêm chế độ dinh dưỡng bằng tiền trong thời gian tập trung, tập luyện và thời gian tập trung thi đấu, theo mức 15.000đ/người/ngày đối với vận động viên đạt cấp kiện tướng; 10.000đ/người/ngày đối với vận động viên đạt cấp I trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày có quyết định công nhận.

4. Đối với các vận động viên không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội sau khi không còn tham gia tập luyện, thi đấu và trả về địa phương được hưởng trợ cấp một lần. Cứ mỗi năm 12 tháng làm vận động viên tập trung (nếu có thời gian ngắt quãng thì được tính cộng dồn) được hưởng trợ cấp một lần bằng 01 tháng (26 ngày/tháng x mức lương theo ngày tập huấn và thi đấu) tiền lương trước khi thôi việc; nhưng thấp nhất cũng bằng 1 tháng tiền lương.

Nguyên tắc khi tính cộng dồn thời gian: Nếu có lẻ dưới 03 tháng thì không tính, nếu đủ từ 03 tháng trở lên đến 06 tháng được tính là $\frac{1}{2}$ năm. Từ trên 06 tháng đến 12 tháng được tính tròn 01 năm.

Điều 7. Chế độ khen thưởng

1. Thương cho vận động viên đạt giải tại các giải vô địch thế giới và Đại hội Olympic.

- a) Huy chương Vàng: 50.000.000 đồng;
- b) Huy chương Bạc: 30.000.000 đồng;
- c) Huy chương Đồng: 20.000.000 đồng.

2. Thương cho vận động viên đạt giải tại các giải vô địch Trẻ thế giới và Trẻ Olympic

- a) Huy chương Vàng: 20.000.000 đồng;
- b) Huy chương Bạc: 15.000.000 đồng;
- c) Huy chương Đồng: 10.000.000 đồng.

3. Thưởng cho vận động viên đạt giải vô địch Châu Á (Đại hội Thể thao Châu Á - ASIAD, Đại hội thể thao trong nhà Châu Á - INDOOR GAMES), vô địch Đông Nam Á, Đại hội thể thao Đông Nam Á (SEA Games)

- a) Huy chương Vàng: 20.000.000 đồng;
- b) Huy chương Bạc: 15.000.000 đồng;
- c) Huy chương Đồng: 10.000.000 đồng.

4. Thưởng cho vận động viên đạt giải vô địch Trẻ Châu Á, vô địch Trẻ Đông Nam Á

- a) Huy chương Vàng: 15.000.000 đồng;
- b) Huy chương Bạc: 10.000.000 đồng;
- c) Huy chương Đồng: 7.000.000 đồng.

5. Thưởng cho vận động viên đạt giải các giải quốc tế trong khu vực Đông Nam Á:

- a) Huy chương Vàng: 15.000.000 đồng;
- b) Huy chương Bạc: 10.000.000 đồng;
- c) Huy chương Đồng: 7.000.000 đồng.

6. Thưởng cho vận động viên đạt giải tại các cuộc thi đấu vô địch quốc gia và Đại hội thể dục, thể thao toàn quốc:

- a) Huy chương Vàng: 15.000.000 đồng;
- b) Huy chương Bạc: 10.000.000 đồng;
- c) Huy chương Đồng: 7.000.000 đồng.

7. Thưởng cho vận động viên đạt giải tại các giải vô địch trẻ cấp quốc gia, Cúp quốc gia và khu vực quốc gia:

- a) Huy chương Vàng: 7.000.000 đồng;
- b) Huy chương Bạc: 5.000.000 đồng;
- c) Huy chương Đồng: 3.000.000 đồng.

8. Thưởng đối với môn thể thao đồng đội:

Mức thưởng chung bằng số lượng người tham gia môn thể thao đồng đội nhân với 50% mức thưởng tương ứng cho 01 cá nhân quy định tại khoản 1 đến khoản 7 Điều này.

9. Thưởng cho vận động viên phá kỷ lục:

Ngoài chế độ được hưởng theo mức tương ứng quy định trên, vận động viên phá kỷ lục được thưởng thêm như sau:

- a) Phá kỷ lục Thế giới: 30.000.000 đồng;

- b) Phá kỷ lục Châu Á: 20.000.000 đồng;
- c) Phá kỷ lục Đông Nam Á: 15.000.000 đồng;
- d) Phá kỷ lục quốc gia: 8.000.000 đồng;
- đ) Phá kỷ lục tại các giải thi đấu vô địch trẻ quốc gia: 5.000.000 đồng.

10. Thưởng cho huấn luyện viên:

a) Đối với cá nhân: Những huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích trong các cuộc thi đấu thì mức thưởng được tính bằng mức thưởng vận động viên đó. Trường hợp một huấn luyện viên có hai vận động viên trở lên đạt thành tích trong cùng một giải đấu thì mức thưởng được tính bằng 100% mức thưởng của vận động viên có thành tích cao nhất cộng với 50% mức thưởng của vận động viên thứ 2 và 30% mức thưởng của các vận động viên thứ 3 trở lên;

b) Đối với đồng đội: Những huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển thi đấu lập thành tích thì được thưởng mức thưởng chung bằng số lượng huấn luyện viên theo quy định nhân với 50% mức thưởng đối với 01 cá nhân vận động viên đạt giải tương ứng. Trường hợp các huấn luyện viên có vận động viên đạt huy chương cá nhân thì được tính mức tiền thưởng như quy định tại điểm a, khoản 10 Điều này;

11. Thưởng cho vận động viên, huấn luyện viên lập thành tích tại các giải thể thao giành cho người khuyết tật: Vận động viên, huấn luyện viên lập thành tích tại các giải thể thao giành cho người khuyết tật Đông Nam Á, Châu Á, Thế giới và các giải thuộc hệ thống thi đấu thể thao cấp quốc gia mức thưởng bằng mức thưởng tương ứng theo quy định tại khoản 1 đến khoản 10 Điều này.

12. Thưởng cho Đội Bóng chuyên (toàn đội) đạt giải:

a) Giải vô địch quốc gia: Huy chương Vàng: 500.000.000 đồng; Huy chương Bạc: 300.000.000 đồng; Huy chương Đồng: 200.000.000 đồng;

b) Giải Cúp quốc gia: Huy chương Vàng: 200.000.000 đồng; Huy chương Bạc: 150.000.000 đồng; Huy chương Đồng: 100.000.000 đồng;

c) Giải trẻ các lứa tuổi trong hệ thống thi đấu của Liên đoàn Bóng chuyên: Huy chương Vàng: 150.000.000 đồng; Huy chương Bạc: 100.000.000 đồng; Huy chương Đồng: 70.000.000 đồng;

13. Thưởng cho đội bóng đá trẻ (toàn đội) đạt giải trẻ các lứa tuổi trong hệ thống thi đấu của Liên đoàn bóng đá Việt Nam:

- a) Huy chương Vàng: 150.000.000 đồng;
- b) Huy chương Bạc: 100.000.000 đồng;
- c) Huy chương Đồng: 70.000.000 đồng.

14. Thưởng cho đội bóng đá Đội tuyển - thuộc Câu lạc bộ bóng đá chuyên nghiệp Hà Tĩnh:

a) Giải vô địch quốc gia (V- League 1): Huy chương Vàng: 500.000.000 đồng; Huy chương Bạc: 300.000.000 đồng; Huy chương Đồng: 200.000.000 đồng;

b) Giải Cúp quốc gia: Huy chương Vàng: 400.000.000 đồng; Huy chương Bạc: 200.000.000 đồng; Huy chương Đồng: 100.000.000 đồng;

c) Giải hạng nhất quốc gia: Huy chương Vàng: 400.000.000 đồng; Huy chương Bạc: 200.000.000 đồng; Huy chương Đồng: 100.000.000 đồng.

Những đối tượng được hưởng chế độ khen thưởng tại Nghị quyết này thì không được hưởng chế độ khen thưởng khác của Ủy ban nhân dân tỉnh. Riêng mức thưởng đối với Ban Giám đốc Trung tâm Thể dục - Thể thao, vận động viên đạt thành tích đặc biệt xuất sắc thì căn cứ tình hình thực tế, hàng năm Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định hình thức khen thưởng và mức thưởng cụ thể.

Điều 8. Mở rộng và phát triển nguồn nhân lực

Năm 2020, 2021: Tăng thêm 20 vận động viên cho các môn thể thao có thể mạnh của Hà Tĩnh được đào tạo, huấn luyện tại Trung tâm Thể dục - Thể thao tỉnh để tham dự các giải quốc gia, quốc tế đạt thành tích cao.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách quy định tại Nghị quyết này được bố trí từ nguồn ngân sách tỉnh trong dự toán ngân sách thể dục thể thao hàng năm và các nguồn xã hội hóa, huy động hợp pháp khác.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 66/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2017 và Nghị quyết 124/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh khóa XVII, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2019./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu UBTƯQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Kiểm toán nhà nước khu vực II;
- Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Thông tin - Công báo - Tin học
- Trang thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Lê Đình Sơn